

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ F&R
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ F&R

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: F&R INVESTMENT DEVELOPMENT TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: F&R IDTAS CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109052574

3. Ngày thành lập: 08/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 45, tổ 49 đường Thuận Nghiê, Phường Quang Trung, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây lâu năm khác	0129
3.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
4.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
5.	Chăn nuôi gia cầm	0146
6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
8.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
11.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
12.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
13.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
14.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
15.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392(Chính)
16.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
17.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
21.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
22.	Xây dựng nhà để ở	4101

23.	Xây dựng nhà không để ở	4102
24.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
25.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
26.	Xây dựng công trình điện	4221
27.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
28.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
29.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
30.	Xây dựng công trình thủy	4291
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
32.	Phá dỡ	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
37.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá)	4511
38.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm đầu giá)	4512
39.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá)	4520
40.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm đầu giá)	4541
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Không bao gồm đầu giá)	4542
42.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm đầu giá)	4610
43.	Bán buôn thực phẩm	4632
44.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xớ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

51.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
52.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
53.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
54.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
55.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;	4931
56.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;	4932
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Bốc xếp hàng hóa	5224
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;	5225
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
64.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
65.	Cho thuê xe có động cơ	7710
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
67.	Đại lý du lịch	7911
68.	Điều hành tua du lịch	7912
69.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 08/01/2020 đến ngày 07/02/2020

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN NHO PHAN

Giới tính: *Nam*Chức danh: *Giám đốc*Sinh ngày: *12/08/1973*Dân tộc: *Kinh*Quốc tịch: *Việt Nam*Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*Số giấy chứng thực cá nhân: *011688976*Ngày cấp: *26/12/2013*Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 45, tổ 49 đường Thuận Nghệ, Phường Quang Trung, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 45, tổ 49 đường Thuận Nghệ, Phường Quang Trung, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam***9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội